

Số: 2942/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 31 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 1818/QĐ-BTC ngày 06/9/2022 của Bộ Tài chính Về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh; tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ, huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước các cấp cho các nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 24/10/2022 (khoản 6, Thông báo số 389/TB-UBND ngày 26/10/2022) và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 543/TTr-STC ngày 13/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán kinh phí năm 2022 cho các cơ quan, đơn vị và địa phương, số tiền: 44.530.000.000 đồng (*Bốn mươi bốn tỷ, năm trăm ba mươi triệu đồng*), từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương bổ sung năm 2022, để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, như sau:

1. Bổ sung cho các cơ quan, đơn vị và địa phương, số tiền: 43.828.000.000 đồng, để thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Điều chỉnh nguồn kinh phí đã cấp cho Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 10/05/2022 của UBND tỉnh số tiền: 702.000.000 đồng, từ nguồn sự nghiệp kinh tế của ngân sách tỉnh năm 2022 sang nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có tên tại phụ lục đính kèm chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, thanh quyết toán theo quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán và lập thủ tục điều chỉnh nguồn vốn theo quy định.

3. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh căn cứ nguồn kinh phí được bổ sung, đơn vị lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện.

4. UBND cấp huyện bố trí vốn ngân sách địa phương để đối ứng theo tỷ lệ quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của HĐND tỉnh; quản lý sử dụng kinh phí hiệu quả, đảm bảo mục tiêu; thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

5. Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo tiến độ, kế hoạch yêu cầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có tên tại phụ lục kèm theo và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, KGVX, KTTH.

D:\PHẠM CÔNG THÁNH 2022\Dropbox\THÁNG 10\Tuần 3\Phân bổ NTM 543\27-10 phân bổ nông thôn mới 543.docx

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Tuấn

Phụ lục
TỔNG HỢP PHÂN BỐ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Quyết định số 2942 /QĐ-UBND ngày 31 /10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các cơ quan, đơn vị và địa phương	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch (hỗ trợ rà soát/lập mới quy hoạch nông thôn mới)	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn...		Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới			Tổng cộng	Ghi chú
			Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu tập trung; hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại; hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất)	Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn (nâng cao chất lượng đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường)	Hỗ trợ cảnh quan môi trường (hỗ trợ mô hình phát triển đường cây xanh bóng mát)		Nâng cao vai trò MTTQVN và tổ chức chính trị xã hội trong XDNTM	Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn	Hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền	Hoạt động quản lý, chỉ đạo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(3) + (4) + ...+(11)	(13)
Mã số Chương trình MTQG		0490/ 0491	0490/ 0493		0490/ 0497	0490/ 0492	0490/ 0499	0490/ 0502				
	TỔNG CỘNG	12.000	10.000	2.000	4.928	2.995	2.000	4.370	4.868	667	43.828	
I	TAM KỲ	0	500	145	150	339	0	40	140	20	1.334	
1	Tam Ngọc							10	10		20	
2	Tam Thăng							10	10		20	
3	Tam Thanh							10	10		20	
4	Tam Phú							10	10		20	
5	UBND TP		500	145	150	339			100	20	1.254	
II	HỘI AN	480	320	60	150	0	0	40	140	20	1.210	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Cẩm Thanh, Cẩm Hà, Cẩm Kim; thời gian thực hiện, mức cụ thể từng xã do UBND TP quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định
1	Cẩm Thanh							10	10		20	
2	Cẩm Hà							10	10		20	
3	Tân Hiệp							10	10		20	
4	Cẩm Kim							10	10		20	
5	UBND TP	480	320	60	150				100	20	1.130	
III	ĐIỆN BÀN	640	640	110	378	0	0	80	180	30	2.058	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Điện Trung, Điện Phong, Điện Phước, Điện Thọ; thời gian thực hiện, mức cụ thể từng xã do UBND thị xã quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định
1	Điện Quang							10	10		20	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(3) + (4) + ...+(11)	(13)
2	Điện Trung							10	10		20	
3	Điện Phong							10	10		20	
4	Điện Phước							10	10		20	
5	Điện Thọ							10	10		20	
6	Điện Hồng							10	10		20	
7	Điện Hòa							10	10		20	
8	Điện Tiến							10	10		20	
9	UBND thị xã	640	640	110	378				100	30	1.898	
IV	PHÚ NINH	960	600	165	400	677	0	100	200	30	3.132	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Tam Phước, Tam An, Tam Dân, Tam Dân, Tam Thành, Tam Vinh; thời gian thực hiện, mức cụ thể từng xã do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định.
1	Tam Phước							10	10		20	
2	Tam An							10	10		20	
3	Tam Thành							10	10		20	
4	Tam Dân							10	10		20	
5	Tam Dân							10	10		20	
6	Tam Thái							10	10		20	
7	Tam Vinh							10	10		20	
8	Tam Đại							10	10		20	
9	Tam Lộc							10	10		20	
10	Tam Lãnh							10	10		20	
11	UBND huyện	960	600	165	400	677			100	30	2.932	
V	DUY XUÂN	960	240	165	400	0	0	110	210	30	2.115	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Duy Vinh, Duy Trinh, Duy Tân, Duy Phú, Duy Thu, Duy Hòa; thời gian thực hiện, mức cụ thể từng xã do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định.
1	Duy Sơn							10	10		20	
2	Duy Phước							10	10		20	
3	Duy Hòa							10	10		20	
4	Duy Trinh							10	10		20	
5	Duy Thành							10	10		20	
6	Duy Trung							10	10		20	
7	Duy Châu							10	10		20	
8	Duy Vinh							10	10		20	
9	Duy Phú							10	10		20	
10	Duy Thu							10	10		20	
11	Duy Tân							10	10		20	
12	UBND huyện	960	240	165	400				100	30	1.895	
VI	THẮNG BÌNH	1.440	1.500	300	500	1.015	0	200	300	40	5.295	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Bình Tú, Bình Chánh, Bình Phú, Bình Trị, Bình Triều, Bình Phục, Bình Quế, Bình Nam, Bình An; thời gian thực hiện, mức cụ thể từng xã do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định.
1	Bình Tú							10	10		20	
2	Bình Chánh							10	10		20	
3	Bình Giang							10	10		20	
4	Bình Quý							10	10		20	
5	Bình Định Bắc							10	10		20	
6	Bình An							10	10		20	
7	Bình Định Nam							10	10		20	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(3) + (4) + ...+(11)	(13)
8	Bình Phú							10	10		20	
9	Bình Trung							10	10		20	
10	Bình Trị							10	10		20	
11	Bình Sa							10	10		20	
12	Bình Triều							10	10		20	
13	Bình Nguyễn							10	10		20	
14	Bình Hải							10	10		20	
15	Bình Đảo							10	10		20	
16	Bình Phục							10	10		20	
17	Bình Dương							10	10		20	
18	Bình Lành							10	10		20	
19	Bình Quế							10	10		20	
20	Bình Nam							10	10		20	
21	UBND huyện	1.440	1.500	300	500	1.015			100	40	4.895	
VII	ĐẠI LỘC	1.920	1.200	280	400	339	0	170	270	40	4.619	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Đại Cường, Đại Phong, Đại An, Đại Hòa, Đại Nghĩa, Đại Thắng, Đại Quang, Đại Đồng, Đại Sơn, Đại Thanh, Đại Chánh, Đại Tân; thời gian thực hiện, mức cụ thể do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định
1	Đại Hiệp							10	10		20	
2	Đại Cường							10	10		20	
3	Đại Phong							10	10		20	
4	Đại Hồng							10	10		20	
5	Đại An							10	10		20	
6	Đại Minh							10	10		20	
7	Đại Hòa							10	10		20	
8	Đại Nghĩa							10	10		20	
9	Đại Thắng							10	10		20	
10	Đại Quang							10	10		20	
11	Đại Đồng							10	10		20	
12	Đại Lành							10	10		20	
13	Đại Hưng							10	10		20	
14	Đại Sơn							10	10		20	
15	Đại Thanh							10	10		20	
16	Đại Chánh							10	10		20	
17	Đại Tân							10	10		20	
18	UBND huyện	1.920	1.200	280	400	339			100	40	4.279	
VIII	QUẾ SƠN	1.280	1.200	295	400	339	0	110	210	40	3.874	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Quế Xuân 1, Quế Long, Quế Phú, Quế Hiệp, Quế Minh, Quế An, Quế Thuận, Quế Phong; thời gian thực hiện, mức cụ thể từng xã do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định
1	Quế Xuân 1							10	10		20	
2	Quế Long							10	10		20	
3	Quế Phú							10	10		20	
4	Quế Xuân 2							10	10		20	
5	Quế Châu							10	10		20	
6	Quế Mỹ							10	10		20	
7	Quế Hiệp							10	10		20	
8	Quế Minh							10	10		20	
9	Quế An							10	10		20	
10	Quế Thuận							10	10		20	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(3) + (4) + ...+(11)	(13)
11	Quế Phong							10	10		20	
12	UBND huyện	1.280	1.200	295	400	339			100	40	3.654	
IX	NÚI THÀNH	960	1.000	180	400	0	0	150	250	40	2.980	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Tam Xuân 2, Tam Xuân 1, Tam Mỹ Tây, Tam Sơn, Tam Thanh, Tam Trà; thời gian thực hiện, mức cụ thể cho từng xã do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định
1	Tam Xuân 2							10	10		20	
2	Tam Hòa							10	10		20	
3	Tam Xuân 1							10	10		20	
4	Tam Mỹ Đông							10	10		20	
5	Tam Giang							10	10		20	
6	Tam Nghĩa							10	10		20	
7	Tam Anh Nam							10	10		20	
8	Tam Quang							10	10		20	
9	Tam Mỹ Tây							10	10		20	
10	Tam Tiến							10	10		20	
11	Tam Hải							10	10		20	
12	Tam Anh Bắc							10	10		20	
13	Tam Trà							10	10		20	
14	Tam Sơn							10	10		20	
15	Tam Thanh							10	10		20	
16	UBND huyện	960	1.000	180	400				100	40	2.680	
X	NÔNG SƠN	800	480	90	200	0	0	60	160	30	1.820	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Quế Lộc, Sơn Viên, Phước Ninh, Ninh Phước, Quế Lâm; mức cụ thể do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định
1	Quế Lộc							10	10		20	
2	Quế Trung							10	10		20	
3	Sơn Viên							10	10		20	
4	Phước Ninh							10	10		20	
5	Ninh Phước							10	10		20	
6	Quế Lâm							10	10		20	
7	UBND huyện	800	480	90	200				100	30	1.700	
XI	HIỆP ĐỨC	640	1.200		150	0	0	70	170	20	2.250	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Bình Lâm, Thăng Phước, Quế Lưu, Phước Gia; thời gian thực hiện, mức cụ thể do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định
1	Quế Thọ							10	10		20	
2	Bình Lâm							10	10		20	
3	Hiệp Thuận							10	10		20	
4	Hiệp Hòa							10	10		20	
5	Bình Sơn							10	10		20	
6	Thăng Phước							10	10		20	
7	Quế Lưu							10	10		20	
8	UBND huyện	640	1.200		150				100	20	2.110	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(3) + (4) + ... +(11)	(13)
XII	TIỀN PHƯỚC	1.920	1.120	210	500	0	0	140	240	40	4.170	Quy hoạch xây dựng NTM thực hiện ở các xã: Tiên Phong, Tiên Cảnh, Tiên Thọ, Tiên Châu, Tiên Lộc, Tiên Mỹ, Tiên Hà, Tiên An, Tiên Hiệp, Tiên Lãnh, Tiên Ngọc, Tiên Lập; thời gian thực hiện, mức cụ thể từng xã do UBND huyện quyết định, nhưng không vượt quá tỷ lệ hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định
1	Tiên Phong							10	10		20	
2	Tiên Sơn							10	10		20	
3	Tiên Cảnh							10	10		20	
4	Tiên Thọ							10	10		20	
5	Tiên Châu							10	10		20	
6	Tiên Cẩm							10	10		20	
7	Tiên Lộc							10	10		20	
8	Tiên Mỹ							10	10		20	
9	Tiên Hà							10	10		20	
10	Tiên An							10	10		20	
11	Tiên Hiệp							10	10		20	
12	Tiên Lãnh							10	10		20	
13	Tiên Ngọc							10	10		20	
14	Tiên Lập							10	10		20	
15	UBND huyện	1.920	1.120	210	500				100	40	3.890	
XIII	TÂY GIANG	0		0	150	0	0	30	30	20	230	
1	Anông							10	10		20	
2	Lăng							10	10		20	
3	Atiêng							10	10		20	
4	UBND huyện				150					20	170	
XIV	ĐÔNG GIANG	0	0	0	150	0	0	20	20	20	210	
1	Xã Ba							10	10		20	
2	Xã Tư							10	10		20	
3	UBND huyện				150					20	170	
XV	NAM GIANG	0		0	150	0	0	0	0	20	170	
1	UBND huyện				150					20	170	
XVI	PHƯỚC SƠN	0		0	150	0	0	10	10	20	190	
1	Phước Xuân							10	10		20	
2	UBND huyện				150					20	170	
XVII	BẮC TRÀ MY	0		0	150	286	0	30	30	20	516	Đối với 286 triệu đồng, hỗ trợ dài truyền thanh ứng dụng CNTT theo Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của HĐND tỉnh, phân bổ cho xã Trà Dương để thực hiện nội dung này
1	Trà Dương							10	10		20	
2	Trà Tân							10	10		20	
3	Trà Đông							10	10		20	
4	UBND huyện				150	286				20	456	
XVIII	NAM TRÀ MY	0		0	150	0	0	10	10	20	190	
1	Trà Mai							10	10		20	
2	UBND huyện				150					20	170	
XIX	Tinh đoàn						190				190	- Tập huấn kiến thức khởi nghiệp, lập nghiệp; điều hành, quản lý HTX, chương trình OCOP cho thanh niên; - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho thanh niên về Chương trình NTM.
XX	Hội Cựu chiến binh tỉnh						190				190	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho Hội viên về Chương trình NTM

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(3) + (4) + ...+(11)	(13)
XXI	Hội Nông dân tỉnh						720				720	- Xây dựng mô hình điểm “Chăn nuôi bò thâm canh gắn với xây dựng tổ hội nghề nghiệp” ở xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước; - Xây dựng mô hình điểm “Nông dân thu gom, phân loại rác thải nông thôn gắn với bảo vệ môi trường” tại xã Đại Cường, huyện Đại Lộc; - Tập huấn cho Hội viên về các nội dung Chương trình nông thôn mới; - Tọa đàm nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên về giải pháp nâng cao vai trò chủ thể của Nông dân trong xây dựng Nông thôn mới.
XXII	Hội LH Phụ nữ tỉnh						825				825	Mô hình nuôi heo đen quay vòng hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế
XXIII	Ủy ban MTTQVN tỉnh						75				75	Tuyên truyền; khen thưởng.
XXIV	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh							185	155		340	- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực nhận thức, kiến thức kỹ năng cho cộng đồng, Nhân dân, cán bộ ở biên giới về các nội dung xây dựng nông thôn mới - Thông tin, tuyên truyền tại các đơn vị cơ sở và nhân dân các xã biên giới, biển, đảo.
XXV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch							100	340		440	- Tổ chức lớp tập huấn kỹ năng kinh doanh lưu trú nhà dân (homestay) cho các điểm du lịch nông thôn; - Tuyên truyền: Liên hoan Nghệ thuật quần chúng các xã xây dựng nông thôn mới theo Kế hoạch số 5600/KH-UBND ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh
XXVI	Sở Thông tin và Truyền thông							80	220		300	Trong 220 triệu đồng thông tin tuyên truyền đã bao gồm duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử nongthonmoi.net 100 triệu đồng
XXVII	Công an tỉnh							515	160		675	- Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia PCTP, TNXH trong Chương trình NTM cho lực lượng Công an xã và các tổ chức quần chúng ở cơ sở; - Tuyên truyền lưu động về công tác PCTP, TNXH và xây dựng phong trào trong Chương trình NTM tại các xã NTM nâng cao, kiểu mẫu.
XXVIII	Liên minh HTX tỉnh							880			880	Tập huấn nâng cao năng lực hợp tác xã các nội dung mới, ưu tiên các HTX mới thành lập
XXIX	Sở Nông nghiệp & PTNT							1.240	1.423	167	2.830	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(3) + (4) + ...+(11)	(13)
	Trong đó: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh							755	473	167	1.395	Tổng kinh phí thông tin, tuyên truyền là 1.175 triệu đồng, trong đó: điều chỉnh từ nguồn ngân sách tỉnh sang ngân sách trung ương đối với kinh phí đã cấp tại Quyết định số 1240/QĐ-UBND- ngày 10/05/2022 của UBND tỉnh 702 triệu đồng, còn lại cấp đợt này 473 triệu đồng.